TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2024/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày12 tháng 01năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 806/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh Trần Đức N, sinh năm 1970

Cùng ĐKHKTT tại: Tổ 10 cũ (nay là tổ 3), phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51,54, 55, 57, 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Trần Đức N

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Trần Đức N xác định không còn tình cảm, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: có 02 con chung là Trần Đức P, sinh ngày 23/01/2000 và Trần Phương L, sinh ngày 10/02/2007. Khi ly hôn hai bên thống nhất, giao con chung là Trần Phương L, sinh ngày 10/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.

Đối với con chung Trần Đức P đã trưởng thành trên 18 tuổi, hai bên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất, anh Trần Đức N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Trần Phương L là 2.000.000 đồng/ tháng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 (Dương lịch).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002382 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Phan Đình phùng, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân